

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN
86-90 Cách Mạng Tháng Tám – P.VTS – Q.3
MST: 0300520465

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2022/MKSG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2022

THÔNG BÁO MỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Mắt Kính Sài Gòn

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mắt Kính Sài Gòn trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

1. Thời gian: Vào lúc 09h ngày 09/04/2022

2. Địa điểm: Khách sạn LOTUS SAIGON – số 120 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, Tp. HCM

3. Nội dung Đại hội:

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và phân phối lợi nhuận năm 2021
- Báo cáo tài chính, Báo cáo kiểm toán năm 2021
- Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2021
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2022
- Thông qua Tờ trình chi trả cổ tức cho năm tài chính 2022
- Thông qua Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán
- Thông qua Tờ trình Phương án trả thù lao cho thành viên HĐQT và Ban kiểm soát
- Thông qua Tờ trình sửa đổi điều lệ Công ty theo luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14

4. Điều kiện tham dự đại hội:

Cổ đông đủ tư cách sở hữu cổ phiếu theo danh sách cổ đông có quyền dự họp được lập ngày 12/03/2022

5. Đăng ký dự họp:

- Để công tác tổ chức được chu đáo, đề nghị Quý cổ đông tham dự đại hội làm phiếu xác nhận tham dự đại hội, quý cổ đông không tham dự đại hội thực hiện thủ tục ủy quyền cho người khác tham dự đại hội và gửi về Công ty theo đường bưu điện hoặc email trước ngày 11/03/2022 (Phiếu xác nhận và Giấy Ủy quyền đăng trên Website của Công ty).

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền đủ tư cách đến dự Đại hội cần mang theo những giấy tờ sau: Thư mời hoặc Thông báo mời họp (đăng trên website Công ty), chứng minh nhân dân và giấy Ủy quyền (trường hợp nhận ủy quyền tham dự Đại hội).

7. Các tài liệu liên quan đến Đại hội: Kính mời Quý cổ đông tải tài liệu của đại hội trên website của Công ty:

www.saigonoptic.com hoặc www.saigonoptic.com.vn (trong Mục : "Quan hệ cổ đông" Mục con "Đại hội đồng cổ đông").

8. Mọi chi tiết liên quan đến Đại hội, Quý cổ đông vui lòng liên hệ:

Ban tổ chức Đại hội: Phòng Tổ chức nhân sự - Số 86-90 Cách Mạng Tháng Tám, P.VTS, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh

- Điện thoại: (028) 39 305 200 – (028) 39 307 787.

- Email: nhinguyen6619@yahoo.com.vn

Thông báo này thay cho Giấy mời tham dự đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty
- Lưu HĐQT

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
MẮT KÍNH
SÀI GÒN
QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH
DS.LÂM KIM KHOA



CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN
86-90 Cách Mạng Tháng Tám – P.VTS – Q.3
MST: 0300520465

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

Ngày 09 tháng 04 năm 2022

Địa điểm: Khách sạn LOTUS SAIGON – số 120 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, Tp. HCM

Thời Gian	NỘI DUNG
9g – 9g30	Tiếp đón đại biểu, cổ đông - Đăng ký danh sách cổ đông
9g30 – 9g45	Tuyên bố lý do, khai mạc Đại hội Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông Thông qua thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu Thông qua Chủ tịch đoàn, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu, Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội.
9g45 – 9g50	Thông qua nội dung Đại hội
9g50 – 11g10	- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2021 - Báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán năm 2021 - Báo cáo của Ban kiểm soát - Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2022. - Tờ trình các nội dung xin ý kiến đại hội: * Chi trả cổ tức cho năm tài chính 2022 * Lựa chọn công ty kiểm toán * Phương án trả thù lao cho thành viên HĐQT và Ban kiểm soát * Sửa đổi điều lệ Công ty theo luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 Đại hội thảo luận, thông qua các báo cáo và các tờ trình.
11g10 – 11g30	Thông qua biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội
	Tuyên bố bế mạc Đại hội

* Do tình hình dịch Covid-19, không có tiệc chiêu đãi, không có quà.

* Các tài liệu liên quan đến Đại hội Quý cổ đông xem trên website của Công ty: www.saigonoptic.com
hoặc www.saigonoptic.com.vn trong Mục : "Quan hệ cổ đông" Mục con "Đại hội đồng cổ đông".



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 09/04/2022
CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

MẪU

THẺ BIỂU QUYẾT

- Số đăng ký :
- Họ và tên CD (đại diện được UQ) :
- Số phiếu biểu quyết (số cổ phần):

TP.HCM, ngày 18 tháng 03 năm 2022.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2021- KẾ HOẠCH NĂM 2022

A. Kết quả hoạt động SXKD năm 2021:

Năm 2021 là năm có nhiều khó khăn, tình hình dịch bệnh Covid-19 phức tạp, phải giãn cách xã hội 3 tháng, đã ảnh hưởng nhiều đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Dù vậy Công ty CP Mắt Kính Sài Gòn năm qua có rất nhiều cố gắng để kinh doanh không bị lỗ và đảm bảo tiền lương ổn định cho người lao động. Bên cạnh đó Công ty cũng được hỗ trợ bởi các quy định của Nhà nước, như giảm tiền thuê đất, gia hạn tiền nộp thuế.....

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 như sau:

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2021	THỰC HIỆN NĂM 2021	TỈ LỆ %
1	Doanh thu	Triệu đồng	35.300	24.118	68,3
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.600	0,2	0,12
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.280	(0,8)	
4	Tổng quỹ tiền lương	Triệu đồng	14.800	9.236	62,4
	-Lương TGD,PTGD,KTT	Triệu đồng	1.677	975	58,1
5	Tổng số lao động	người	91	84	92,3
6	Thù lao HĐQT	Triệu đồng	458	299,6	65,4
	Tỉ lệ cổ tức / năm	%	6%	0%	

B. Kế hoạch SXKD năm 2022:

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 tuy đã kiểm soát được vẫn chưa ổn định nên vẫn còn ảnh hưởng nhiều đến hoạt động kinh doanh của Công ty, tuy vậy kế hoạch SXKD năm 2022 sẽ cao hơn năm 2021, và Công ty sẽ cố gắng thực hiện đúng và vượt kế hoạch.

Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 như sau:

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2022	Ghi Chú
1	Doanh thu	Triệu đồng	39.000	
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.540	
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.030	
4	Tổng quỹ tiền lương	Triệu đồng	15.010	
	- Lương TGD,PTGD	Triệu đồng	1.610	
5	Tổng số lao động	người	84	
6	Thù lao HĐQT	Triệu đồng	603	
7	Tỉ lệ cổ tức/năm	%	9%	

CHỦ TỊCH HĐQT

(ký tên và đóng dấu)



DS.LÂM KIM KHOA

CÔNG TY CP MẮT KÍNH SÀI GÒN
86-90 Cách Mạng Tháng Tám

BÁO CÁO PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CHI TRẢ CỔ TỨC NĂM 2021

I. Tình hình phân phối lợi nhuận năm 2021:

DVT: đồng

	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
1	Tổng doanh thu & các khoản thu nhập	24.118.092.690
2	Tổng lãi (lỗ) phát sinh trong năm	200.662
	Trở: +Lãi lỗ kinh doanh	2.693.166
	+Lãi lỗ khác	(2.492.504)
3	Tổng thu nhập chịu thuế	57.268.128
4	Thuế thu nhập phải nộp (20%/Thu nhập chịu thuế - giảm 30% thuế)	8.017.538
5	Phân phối lợi nhuận sau thuế :	0
	a-Lợi nhuận trích lập các quỹ :	0
	-Quỹ dự trữ bắt buộc (5%)	0
	-Quỹ phát triển sản xuất (5%)	0
	-Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi (22,12%)	0
	b-Lợi nhuận chia cổ tức (0%)	0
	c- Lợi nhuận năm nay còn lại chưa phân phối (6-a-b)	200.662
	d- Lợi nhuận năm trước còn lại	352.964.459
	e- Lợi nhuận chia cổ tức (không chia)	0
	- Chia cổ tức cho Nhà nước	0
	- Chia cổ tức cho CBCNV + cổ đông ngoài	0
	f- Lợi nhuận năm trước còn lại sau khi điều chỉnh	255.696.921
	g-Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	255.897.583

Xin ý kiến đại hội thông qua không trích quỹ đầu tư phát triển sx, khen thưởng, phúc lợi năm nay .

II. Chi trả cổ tức năm 2021:

Căn cứ vào kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần

Mắt kính Sài Gòn năm 2021:

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Mắt kính Sài Gòn xin ý kiến đại hội thông qua không chia cổ tức năm 2021

Ngày 18 tháng 03 năm 2022

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



Ds. LÂM KIM KHOA

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MẮT KÍNH SÀI GÒN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính năm 2022

**Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 ;
- Căn cứ Thông tư số 183/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, xem xét thông qua danh sách dự kiến các công ty kiểm toán tham gia kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty và uỷ quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một Công ty kiểm toán phù hợp trong số các đơn vị sau:

- 1) CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP. HỒ CHÍ MINH
- 2) CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Đây là các Công ty kiểm toán đã được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty đại chúng và tổ chức niêm yết.

Kính trình Đại hội xem xét, thông qua.



DS.LÂM KIM KHOA

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MẮT KÍNH SÀI GÒN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về tổng mức thù lao và tiền thưởng của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

**Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT số 01/2022/HĐQT ngày 25/02/2022.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn dự tính mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 được dự tính như sau:

- Tổng mức thù lao : 603.850.000 đồng
(Sáu trăm lẻ ba triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng)
 - Lập quỹ thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: **3,5%** lợi nhuận sau thuế
- Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



DS.LÂM KIM KHOA

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MẮT KÍNH SÀI GÒN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về chi trả cổ tức, trích Quỹ đầu tư phát triển năm 2022

**Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT số 01/2022/HĐQT ngày 25/02/2022.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, xem xét thông qua:

- Kế hoạch chia cổ tức năm 2022 là: tối thiểu 9% / vốn điều lệ
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyết định:
 - + Chi trả cổ tức tạm ứng 2022
 - + Nguồn cổ tức chi trả gồm có lợi nhuận còn lại của năm 2021, 2022.
 - + Trích Quỹ đầu tư phát triển năm 2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.

**T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

ĐS. LÂM KIM KHOA

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ KIỂM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM 2021

- Căn cứ nhiệm vụ của Ban kiểm soát Công ty đã được điều lệ Công ty quy định .
- Căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2021 của doanh nghiệp lập ngày 10 tháng 02 năm 2022.

Ban kiểm soát Công ty thông báo kết quả kiểm tra báo cáo tài chính năm 2021 của

Công ty CP Mắt kính Sài Gòn như sau :

I-PHẦN SỐ LIỆU :

STT	CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU KIỂM TRA		% tăng (+), giảm (-) so với cùng kỳ
		31/12/2020	31/12/2021	
A	B	C	D	E
A	TÀI SẢN:	27.014.857.891	23.562.111.953	87,2%
I	Tài sản ngắn hạn	25.822.562.578	22.572.397.728	87,4%
	Trong đó :			
1	- Các khoản phải thu ngắn hạn	60.796.320	21.434.973	35,3%
	+Trđó, nợ khó đòi	-	-	
2	- Hàng tồn kho	21.954.315.217	18.819.485.653	85,7%
	+Hàng hoá tồn kho kém mất phẩm chất	-	-	
II	Tài sản dài hạn	1.192.295.313	989.714.225	83,0%
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	
	+Trđó, nợ khó đòi	-	-	
2	Tài sản cố định :	1.192.295.313	989.714.225	83,0%
	- Nguyên giá	13.351.047.760	13.351.047.760	100,0%
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(12.158.752.447)	(12.361.333.535)	101,7%
B	NGUỒN VỐN:	27.014.857.891	23.562.111.953	87,2%
I	Các khoản phải trả	5.277.028.803	1.921.349.741	36,4%
	+Trđó , phải trả cổ tức cho NN	452.124.000	-	0,0%
	, phải trả cổ tức cho thể nhân + CBCNV	1.083.761.400	4.444.200	0,4%
	+ Quỹ khen thưởng phúc lợi	61.505.875	(20.395.847)	-33,2%
II	Vốn chủ sở hữu	21.737.829.088	21.640.762.212	99,6%
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19.149.000.000	19.149.000.000	100,0%
	Trong đó , Nhà nước	5.651.550.000	5.651.550.000	100,0%
	CBCNV + thể nhân	13.497.450.000	13.497.450.000	100,0%
2	Thặng dư vốn cổ phần	1.500.000.000	1.500.000.000	100,0%
3	Quỹ phát triển sản xuất	735.864.629	735.864.629	100,0%
4	Lợi nhuận chưa phân phối	352.964.459	255.897.583	72,5%
*	Giá trị vốn cổ phần đến cuối kỳ (1+2+3)	21.384.864.629	21.384.864.629	100,0%

STT	CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU KIỂM TRA		% tăng (+), giảm (-) so với cùng kỳ
		Năm 2020	Năm 2021	
C	KẾT QUẢ SXKD VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN			
1	Tổng doanh thu & các khoản thu nhập	32.847.493.815	24.118.092.690	73,4%
2	Tổng lãi (lỗ) phát sinh trong năm	165.568.928	200.662	0,1%
	Trđó: +Lãi lỗ kinh doanh	153.609.072	2.693.166	1,8%
	+Lãi lỗ khác	11.959.856	(2.492.504)	-20,8%
3	Tổng thu nhập chịu thuế	525.252.500	57.268.128	10,9%
4	Thuế thu nhập phải nộp	73.535.350	8.017.538	10,9%
5	Phân phối lợi nhuận sau thuế :	92.033.578	-	0,0%
	a-Lợi nhuận trích lập các quỹ :	20.355.860	-	0,0%
	-Quỹ phát triển sản xuất (5%)	-	-	0,0%
	-Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi (22,12%)	20.355.860	-	0,0%
	b-Lợi nhuận chia cổ tức (0%)	-	-	0,0%
	c-Lợi nhuận năm nay chưa phân phối (6-a-b)	71.677.718	200.662	0,3%
	d- Lợi nhuận năm trước còn lại	1.880.755.988	352.964.459	18,8%
	e-Lợi nhuận chia cổ tức (8%)	1.531.920.000	-	0,0%
	- Chia cổ tức cho Nhà nước	452.124.000	-	0,0%
	- Chia cổ tức cho CBCNV + cổ đông ngoài	1.079.796.000	-	0,0%
	f- Lợi nhuận năm trước còn lại sau khi điều chỉnh	281.286.741	255.696.921	90,9%
	g-Lợi nhuận còn lại chưa phân phối (c+f)	352.964.459	255.897.583	72,5%
D	CÁC KHOẢN QUAN HỆ VỚI NSNN:			
1	-Số còn phải nộp đầu năm: thừa(+),thiếu(-)	(1.545.587.882)	399.083.079	-25,8%
	+Trong đó , thuế GTGT	(878.093.535)	(167.997.797)	19,1%
	, thuế TNDN	(609.243.226)	76.464.650	-12,6%
	, thuế khác	(58.251.121)	490.616.226	-842,2%
2	-Phát sinh phải nộp trong kỳ	6.350.244.142	5.349.306.872	84,2%
	+Trong đó , thuế GTGT	2.689.503.591	2.047.521.253	76,1%
	, thuế TNDN	141.084.597	8.017.538	5,7%
	, thuế khác	3.519.655.954	3.293.768.081	93,6%
3	-Đã nộp trong kỳ	8.294.915.103	4.384.603.280	52,9%
	+Trong đó , thuế GTGT	3.399.599.329	1.426.651.599	42,0%
	, thuế TNDN	826.792.473	-	0,0%
	, thuế khác	4.068.523.301	2.957.951.681	72,7%
4	-Số chuyển sang quý sau: thừa(+); thiếu(-)	399.083.079	(565.620.513)	-141,7%
	+Trong đó , thuế GTGT	(167.997.797)	(788.867.451)	469,6%
	, thuế TNDN	76.464.650	68.447.112	89,5%
	, thuế khác	490.616.226	154.799.826	31,6%

II-NHÂN XÉT & KIẾN NGHỊ:

1- Ý kiến xử lý báo cáo tài chính:

Đề nghị Công ty căn cứ vào bản thông báo này, tiến hành hạch toán các bút toán điều chỉnh (kèm bút toán điều chỉnh).

2- Nhân xét báo cáo tài chính:

a/ Việc chấp hành pháp lệnh kế toán- thống kê.

Sổ sách kế toán của Cty ghi chép rõ ràng, đầy đủ, đúng chế độ.

b/Thu nhập của người lao động.

+ Tiền lương BQ : 9.162.690 đ/ người / tháng.

+ Tổng Quỹ lương năm 2021: 9.235.991.453 đồng

+ Số Lao động BQ : 84 người

c/Tình hình quản lý vốn và tài sản năm 2020-2021:

Chỉ tiêu	Số liệu kiểm tra		% tăng (+), giảm (-)
	Năm 2020	Năm 2021	so với cùng kỳ
*** Một số chỉ tiêu phân tích tài chính :			
- TSCĐ / tổng số tài sản (%)	4,4%	4,2%	-0,2%
- TSLĐ / tổng số tài sản (%)	95,6%	95,8%	0,2%
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (%)	0,50%	0,00%	-0,50%
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ (%)	0,86%	0,00%	-0,86%
-Tỷ suất cổ tức trên vốn	0,37%	0,00%	-0,37%
Bình quân tháng	0,03%	0,00%	-0,03%
- Tỷ suất cổ tức tạm chia	8%	0%	-8%
-Cổ tức đến cuối quý chưa phân phối	1,84%	1,34%	-0,50%
- Tỷ lệ nợ phải trả so với toàn bộ tài sản (%)	19,53%	8,15%	-11,38%
- Khả năng thanh toán nhanh :			
+ Tiền hiện có/nợ ngắn hạn (lần)	0,606	1,767	1,161
- Tỷ lệ vốn cổ phần tăng	11,68%	11,68%	0,00%

3-Ý kiến đề nghị của doanh nghiệp: Thống nhất theo biên bản kiểm tra

Thông báo được lập thành 11 bản : DN : 2 bản , HĐQT : 6 bản , Ban KS : 3 bản

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
KẾ TOÁN TRƯỞNG NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

BAN KIỂM SOÁT

Nguyễn Thị Thanh Hà

Đs. Lâm Kim Khoa

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Lê Tấn Cường

Nguyễn Bạch Phương

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: *Sửa đổi bổ sung Điều Lệ Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn*

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật sửa đổi Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV thông qua ngày 11/01/2022;
- Căn cứ Điều Lệ mẫu áp dụng cho đối với các Công ty cổ phần;
- Căn cứ Điều Lệ của Công ty CP Mắt kính Sài Gòn được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua ngày/..../....

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, với những nội dung chi tiết ghi trong Dự thảo Điều lệ đã được đăng tải trên Website của Công ty, và đã phát cho các cổ đông tham dự Đại hội.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông cho ý kiến và thông qua Điều lệ mới của Công ty sau khi sửa đổi, bổ sung so với Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày .../.../.....

Trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Khoản, Điều, Nội dung điều lệ hiện tại	Khoản, Điều, Nội dung sau khi sửa đổi/ bổ sung	Cơ sở pháp lý
Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: a. “Vốn điều lệ” là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này; b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014; d. "Cán bộ quản lý" là Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Kế toán trưởng, Trưởng/ Phó phòng kế toán e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a. “Vốn điều lệ” là là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và quy định tại Điều 5 Điều lệ này b. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; d. “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty. e. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ này; f. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp	Điều 4 Luật doanh nghiệp (“LDN”) 2020
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 2. Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm.	Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 2. Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện,	Khoản 1 Điều 8 Luật doanh nghiệp 2020

	Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.	
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần 1. * Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập là 8.970.900.000 đồng (Tám tỷ chín trăm bảy mươi triệu chín trăm ngàn đồng Việt Nam) - Đăng ký lần đầu ngày 03/04/2000. * Vốn điều lệ của Công ty là 19.149.000.000 đồng (Mười chín tỷ một trăm bốn mươi chín triệu đồng Việt Nam) – Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 03/04/2017. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.914.900 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng. 5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá. 6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo điều 129 và 130 Luật Doanh nghiệp. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.	Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần 1. Vốn điều lệ của Công ty là 19.149.000.000 đồng (Mười chín tỷ một trăm bốn mươi chín triệu đồng Việt Nam) Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.914.900 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cơ cấu vốn điều lệ tại thời điểm thông qua Điều lệ này là: - Vốn thuộc sở hữu doanh nghiệp nhà nước: _____ đồng, chiếm __% - Vốn thuộc các cổ đông khác: _____ đồng, chiếm __% 5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác. 6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo điều 132 và 133 Luật Doanh nghiệp, theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.	Khoản 3 Điều 124, 133, 134 LDN 2020

Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu 2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định khoản 1 điều 120 của Luật Doanh nghiệp. 4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây: a. Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy; b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. c. Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.	Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu 2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định khoản 1 điều 121 của Luật Doanh nghiệp. 4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.	Điều 121 Luật doanh nghiệp 2020
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần 1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo mẫu của công ty. Khi cổ phiếu của	Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần 1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp lý có điều chỉnh nội dung liên quan.	Điều 127 LDN 2020

công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch trên UPCOM, việc chuyển nhượng thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán. 3. ... 4. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại, sau khi hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng theo quy định của điều lệ này và pháp luật có liên quan.	2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. 4. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Công ty. 5. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông. 6. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu.	
Điều 9. Thu hồi cổ phần	(lược bỏ điều này) Vì quy định này chỉ áp dụng đối với <u>trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp (thành lập mới công ty)</u>	Thông tư 116/2020/T T-BTC
Điều 11. Quyền của cổ đông 2. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; Mỗi cổ phần phổ thông có	Điều 10. Quyền của cổ đông 2. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định; Mỗi cổ phần	Điều 115 Luật DN 2020

một phiếu biểu quyết; c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành; e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật; 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau: a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 25 và Khoản 1 Điều 45 Điều lệ này; b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp; c. d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ	phổ thông có một phiếu biểu quyết; c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan; e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình. g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 05% tổng số cổ phần trở lên có các quyền sau: a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty; b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 115 Luật doanh nghiệp; c. d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu	
---	---	--

thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.	trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; e. Các quyền khác được quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.	
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. 2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông. 4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.	Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. 2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ, pháp luật quy định. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông. 4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông. 5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.	Điều 119 Luật doanh nghiệp 2020
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty cổ	Điều 12. Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ	khoản 1, khoản 2

phần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên mỗi năm một (01) lần trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. ... 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: c. Số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật; d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan; e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 159 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình; 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay	đồng họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: c. Số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải tuân theo khoản 4 Điều 115 Luật doanh nghiệp, phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan; e. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát; 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội	Điều 139 Luật DN 2020. khoản 1 Điều 140 Luật DN 2020 khoản 2, 3
---	---	--

thể Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp. c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.	đồng cổ đông theo quy định khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp; c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này.	Điều 140 Luật DN 2020
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; h. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;	Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; h. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty; j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; k. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;	Điều 138 Luật doanh nghiệp 2020
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 3 điều 38 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ	3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 3 điều 37 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là	

đồng đó là một bên của hợp đồng; b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.	một bên của hợp đồng; b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông.	
Điều 16. Thay đổi các quyền 1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua... ... 2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 21 Điều lệ này.	Điều 15. Thay đổi các quyền 1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. 3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17 và Điều 20 Điều lệ này.	khoản 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này. 2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông	Điều 16. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 12 Điều lệ này. 2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây : a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự	Khoản 5 Điều 140 Luật doanh nghiệp 2020

có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 5 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp. 3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. 5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 17 trong các trường hợp sau: a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời	họp; b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông; c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp; d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp; e. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; f. Xác định thời gian và địa điểm họp; g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật này; h. Công việc khác phục vụ cuộc họp. 3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. 5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau: a. Đề xuất được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này; b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông	Điều 143 LDN năm 2020 Điều 142 LDN 2020
---	---	---

gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này; c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. 6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.	hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này; c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. 6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết. 2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.	Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. 2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.	Điều 145 Luật doanh nghiệp 2020
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 2. ... Tổng số thẻ (phiếu) tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng vấn đề được chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Chủ tọa cử một số người làm thư ký cuộc họp.	Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 2. ... Tổng số thẻ (phiếu) tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng vấn đề được chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.	Điều 146 Luật doanh nghiệp 2020

Đại hội đồng cổ đông bầu một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

...

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.

..

4. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

8. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc

8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.	hợp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác; Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	
Điều 20. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty; b) Định hướng phát triển công ty; c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định, đ) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; e) Tổ chức lại, giải thể công ty.	Điều 19. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty; b) Định hướng phát triển công ty; c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; g) Tổ chức lại, giải thể công ty.	Điều 147 Luật doanh nghiệp 2020
Điều 21. Điều kiện để nghị quyết thông qua 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:	Điều 20. Điều kiện để nghị quyết thông qua 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết	Điều 148 LDN 2020; sửa đổi bởi

.... d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; 2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này. ... 4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành. 5. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình. 6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.	tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 Điều này, khoản 1 Điều 15 Điều lệ này: d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều này, khoản 1 Điều 15 Điều lệ này. ... 4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành. 5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật này và Điều lệ công ty. 6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.	Luật số: 03/2022/Q H15 Khoản 2 Điều 152 LDN 2020
--	--	--

Khoản 5
Điều 148
LDN 2020

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

- Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 2a Điều 17 của Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này của Luật doanh nghiệp;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

...

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 19 của Điều lệ này;

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 của Điều lệ này;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

...

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa

Điều 149
Luật doanh
nghiệp
2020

cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; ... g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của ... 5. ... Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: e. Các vấn đề đã được thông qua; 6. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ khi kết thúc kiểm phiếu;	chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông. ... g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị; ... 5. ... Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; 6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;	
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại	Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;	Điều 150 Luật doanh nghiệp 2020

hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định điều 146 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	c. Chương trình và nội dung cuộc họp; d. Họ, tên chủ tọa và thư ký; e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp; f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. j. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. 3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. 4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng. 5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.	
---	---	--

	6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.	
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 21 của điều lệ này; 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu tòa án hoặc trọng tài hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi tòa án, trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 1. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 10 của điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 20 của điều lệ này; b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty. 2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu tòa án hoặc trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	Điều 151 Luật doanh nghiệp 2020 Khoản 3 Điều 152 LDN 2020
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị ... 2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có	Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị ...	Khoản 5

quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị... ... 5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. (lược bỏ)	Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020
Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây: ... c. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; ... e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật này; ... h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 14, khoản 1 và khoản 3 Điều 38 của điều lệ này; i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng. quyết định tiền lương, khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức	Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây: ... c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; ... e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật doanh nghiệp; h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 13, khoản 1 và khoản 3 Điều 37 của điều lệ này; i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý	Điều 153 Luật doanh nghiệp 2020

thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	đó ; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	
Điều 27. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị 1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;	Điều 26. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị 1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;	Khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp 2020
“Nghị quyết Hội đồng quản trị”	Bổ sung “Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị”	
Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ hoặc bất kỳ, khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần. ... 7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, Thông báo mời họp phải đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. 10... c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội	Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ hoặc bất thường , khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần. ... 7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, Thông báo mời họp phải đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và phiếu biểu quyết của thành viên . 9. ... Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. 10. ... c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác ;	Điều 157, 158 Luật doanh nghiệp 2020

ng nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp

13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

14. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức **hội nghị trực tuyến** giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. **Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện thông qua phương tiện điện tử.** Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

c. **Việc triệu tập họp đáp ứng thể thức cuộc họp: thông báo mời họp, triệu tập họp, điều kiện tiến hành họp theo quy định tại Điều này. Cuộc họp có thể được ghi âm hoặc ghi hình và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.**

Các nghị quyết, quyết định được thông qua **hội nghị trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực như thông qua tại cuộc họp trực tiếp, và phải lập biên bản họp theo quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp.**

17. **Biên bản họp Hội đồng quản trị được**

nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này. ... 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và được lập theo quy định tại điều 154 Luật Doanh nghiệp phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.	lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài theo quy định tại điều 158 Luật Doanh nghiệp. Biên bản bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Thời gian, địa điểm họp; c. Mục đích, chương trình và nội dung họp; d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp; g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến; h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan	
Điều 30. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 1. ... c. Có đơn từ chức;	Điều 29. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 1. ... c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;	

Điều 32. Cán bộ quản lý 1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. 2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Tổng giám đốc quyết định.	Điều 31. Người điều hành Công ty 1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định tại Điều 1 Điều lệ này. 2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức. 3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. 4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	Điều 162, 163 Luật DN 2020
Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc điều hành 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ... 3. ... a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này. 4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:	Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc; ... 3... a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này. 4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:	Điều 162 LDN năm 2020

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị; ... f. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; ... 6. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế.	a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị ... f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc; ... 6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế.	
Điều 34. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc 2. Thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây: a. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao và tiền thưởng. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên; b. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao; c. Tổng giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.	Điều 33. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc 2. Thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây: a. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên; b. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao; c. Tổng giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.	
Điều 35. Công khai các lợi ích liên	Điều 34. Công khai các lợi ích liên quan	

quan 1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với công ty;	2. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với công ty;	
Điều 36. Trách nhiệm của người quản lý công ty 1. ... c. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.	Điều 35. Trách nhiệm của người quản lý công ty 1. ... c. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 34 Điều lệ này.	
Điều 37. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Tổng giám đốc 1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây: a. Vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điều 36 của điều lệ này; 2. ... trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.	Điều 36. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc 1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây: a. Vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Điều 35 của điều lệ này; 2. ... trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.	
Điều 38. Hợp đồng, giao dịch phải	Điều 37. Hợp đồng, giao dịch phải được	

được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận 1. ... a. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ; ... c. Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 35 điều lệ này. 2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trừ thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết. 3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo	Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận 1. ... a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ; ... c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Điều lệ này. 2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.. 3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch sau đây: a. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này; b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.	Khoản 1 Điều 167 LDN 2020
---	--	--

dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành. 4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.	4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 20 của Điều lệ này. 5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó. 6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.	
--	---	--

Điều 40. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: 1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo khoản 2 điều 18 Luật Doanh nghiệp; 2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của công ty.	Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: 3. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo khoản 2 điều 17 Luật Doanh nghiệp; 4. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của công ty.	Điều 169 LDN 2020
Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát ... 3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.	Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát ... 3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.	
Điều 45. Đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên 1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát....	Điều 44. Đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên 1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát... <i>(Chuyển điểm b khoản 2 xuống khoản 3)</i>	Điều 174 LDN 2020
Điều 47. Phân phối lợi nhuận	Điều 46. Phân phối lợi nhuận Bổ sung:	

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a. Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- b. Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- c. Ngay sau khi trả hết số cổ tức, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

(lược bỏ)

5. ... Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 135 Luật doanh nghiệp..

Điều 52. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý 1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh. 3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp. 5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.	Điều 51. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý 1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 53 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền 3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo theo các quy định và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định khác của pháp luật có liên quan. Báo cáo tài chính năm phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. 5. Báo cáo quy định tại Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.	Điều 175 Luật doanh nghiệp 2020
--	--	--

Điều 53. Báo cáo thường niên Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Điều 52. Báo cáo thường niên Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật liên quan.	
Điều 55. Con dấu 1. Doanh nghiệp có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây: a. Tên doanh nghiệp; b. Mã số doanh nghiệp. 2. Trước khi sử dụng, doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. ... 4. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu.	Điều 54. Con dấu 1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty. (lược bỏ) ... 4. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc trong các giao dịch theo quy định của pháp luật.	Điều 43 LDN 2020
Điều 56. Các trường hợp và điều kiện giải thể Công ty: 1. a. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; ... 3. Việc giải thể được thực hiện theo quy định tại điều 201, 202, 203,204,205 của Luật Doanh nghiệp 2014 và các quy định khác của pháp luật	Điều 55. Các trường hợp và điều kiện giải thể Công ty: 1. a. Theo nghị quyết , quyết định của Đại hội đồng cổ đông; ... 3. Việc giải thể được thực hiện theo quy định tại điều 207, 208, 209, 210, 211 của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật	Điều 207 LDN 2020
Điều 57. Gia hạn hoạt động 2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có	Điều 56. Gia hạn hoạt động 2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số	Tham khảo điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/

mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.	phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.	TT-BTC
Điều 61. Ngày hiệu lực 1. Bản điều lệ này gồm 20 chương 61 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn nhất trí thông qua ngày 09 háng 04 năm 2016 tại Thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. ... 4. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó: a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương; b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố; c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.	Điều 60. Ngày hiệu lực 1. Bản điều lệ này gồm 20 chương 60 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn nhất trí thông qua ngày ... háng ... năm 2022 tại Thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. 2. Điều lệ được lập thành 04 bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN
86-90 Cách Mạng Tháng Tám – P.6 – Q.3

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/NQ-ĐHĐCĐ/2021

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2022

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn.
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn số 01/BB-ĐHĐCĐ/2022 ngày 09/04/2022

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn đã thống nhất thông qua các nội dung sau:

1. * Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động năm 2021, báo cáo tài chính đã kiểm toán:

Các chỉ tiêu chính như sau:

DVT: triệu đồng

Tổng doanh thu	24.118
Doanh thu thuần	24.118
Lợi nhuận trước thuế	0,2
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8
Tổng tài sản	23.562
Vốn chủ sở hữu (không kể quỹ khen thưởng phúc lợi)	21.641

Số cổ phiếu biểu quyết tán thành là: cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%.

*** Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:**

- + Lợi nhuận trước thuế năm 2021: 200.662 đồng
- + Lợi nhuận còn lại chưa phân phối: 255.897.583 đồng

Năm 2021 không chia cổ tức, không trích quỹ đầu tư phát triển, không trích quỹ khen thưởng phúc lợi

Số cổ phiếu biểu quyết tán thành là: cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%.

2. Thông qua kế hoạch năm 2022 - Phân phối lợi nhuận năm 2022

- Đại hội thống nhất thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2022 như sau:

Tổng doanh thu (tỷ đồng)	39
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	2,54
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	2,03

- Đại hội thống nhất thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

Trích quỹ đầu tư phát triển	Theo quyết định của HĐQT
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	10% LNST
Tỷ lệ cổ tức bằng tiền	Tối thiểu 9% vốn điều lệ (Ủy quyền HĐQT quyết định mức chi trả cổ tức, và quyết định nguồn chi trả cổ tức)

Số cổ phiếu biểu quyết tán thành là: cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%.

3. Thông qua tờ trình Chi trả cổ tức, trích Quỹ đầu tư phát triển cho năm tài chính 2022:

Đại hội thống nhất thông qua:

- Kế hoạch chia cổ tức năm 2022 là: tối thiểu 9 % / vốn điều lệ
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyết định mức chi trả cổ tức tạm ứng 2022; trích Quỹ đầu tư phát triển năm 2022.
- Nguồn cổ tức chi trả gồm có lợi nhuận còn lại của năm 2021, 2022.

Số cổ phiếu biểu quyết tán thành là: cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%.

4. Thông qua tờ trình Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2022:

Đại hội thống nhất thông qua danh sách dự kiến công ty kiểm toán tham gia kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022:

- Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học Tp. Hồ Chí Minh
- Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC

Giao cho Hội đồng quản trị lựa chọn 1 công ty kiểm toán phù hợp để thực hiện quyết định này.

Số cổ phiếu biểu quyết tán thành là: cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%.

5. Thông qua tờ trình Tổng mức thù lao và tiền thưởng của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022

Đại hội thống nhất thông qua Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021 như sau:

- Tổng mức thù lao: 603.850.000 đồng
(Sáu trăm lẻ ba triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng)
- Lập quỹ thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: 3,5% lợi nhuận sau thuế

Số cổ phiếu biểu quyết tán thành là: cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%.

6. Thông qua tờ trình sửa đổi điều lệ Công ty theo luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14

Đại hội thống nhất thông qua sửa đổi điều lệ Công ty theo luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

Số cổ phiếu biểu quyết tán thành là: cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%.

Điều 2: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị Quyết này.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn thông qua toàn văn tại cuộc họp và có hiệu lực thi hành từ ngày 09/04/2022.

Nghị quyết này sẽ được gửi cho tất cả các cổ đông Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn thông qua Website: www.saigonoptic.com hoặc www.saigonoptic.com.vn

Thay mặt ĐHĐCĐ thường niên năm 2022

CHỦ TỊCH HĐQT

DS. LÂM KIM KHOA